

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13a/2018/HC-ST
Ngày 25/9/2018.
V/v khiếu kiện QĐHC trong
lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Thi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Huy Lợi

Bà Nguyễn Thị Thúy Minh

- Thư ký phiên toà: Bà Đậu Thị Bích Thủy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Trần Thúy Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số 19/2017/TLST-HC ngày 08/5/2018 về việc hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 10/2018/QĐXX- HC ngày 06 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự :

- Người khởi kiện: Ông Đặng Văn T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Xóm X, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. (vắng mặt). Hiện đang trú tại: Cộng hòa Séc

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Minh H

Địa chỉ: 45, xã P, huyện N, thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền ngày 01/12/2017) (có mặt)

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ: Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngọc Kim N – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Đại diện được ủy quyền của người bị kiện: Ông Hoàng Văn H- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ (theo Giấy ủy quyền số 809/GUQ ngày 20/7/2017); Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt (theo giấy đề nghị ngày 02/9/2018)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An;

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đình T. Chức vụ: Chủ tịch UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An (vắng mặt)

+ Ông Đặng Văn S, sinh năm 1932

Địa chỉ: Xóm m, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, theo đơn đề nghị ngày 24/9/2018.

- Người làm chứng:

+ Ông Trần Văn S - cán bộ địa chính UBND xã T, huyện Đ (vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Đình N- Nguyên bí thư, xóm trưởng x, xã T, huyện Đ

Địa chỉ: X, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 24/10/2016, ông Đặng Văn T có đơn khởi kiện vụ án Hành chính với nội dung: Yêu cầu hủy Quyết định số: 784/QĐ-UBND ngày 13/4/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Nghệ An, về việc giải quyết khiếu nại của ông Đặng Văn S và buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ xem xét và giải quyết việc bồi thường, hỗ trợ tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho gia đình ông khi thực hiện dự án nâng cấp đường QL 15A, đi qua Xóm x, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện cho người khởi kiện trình bày lý do khởi kiện: Năm 2007, Ủy ban nhân dân huyện Đ thực hiện dự án nâng cấp đường QL15A, khi đi qua xóm X, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Để thực hiện dự án, Ủy ban nhân dân huyện Đ thực hiện thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng, trong đó có gia đình ông Đặng Văn T. Vào thời điểm thực hiện dự án trên, vợ chồng ông T đang ở nước ngoài nhưng ông T không nhận được bất cứ tài liệu gì liên quan đến việc thu hồi, bồi thường và giải phóng mặt bằng. Không kiểm kê hết tài sản của gia đình ông T. Khi bồi thường quyền sử dụng đất Hội đồng giải phóng mặt bằng không tiến hành xác minh nguồn gốc đất, không bồi thường theo diện tích đất thực tế mà gia đình ông đang sử dụng, gây hậu quả nghiêm trọng đến tài sản của gia đình ông. Đất có nguồn gốc trước năm 1980, nhưng khi bồi thường, Hội đồng bồi thường đã áp dụng đất vườn để bồi thường. Ông T đã ủy quyền cho ông Đặng Văn S khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc thu hồi, bồi thường, giải phóng mặt bằng. Ngày 20/10/2016, ông T được ông Đặng Văn S thông báo việc Ủy ban nhân dân huyện Đ đã ban hành quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 13/4/2015, về việc giải quyết khiếu nại của ông Đặng Văn S, liên quan đến việc thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng tài sản của gia đình ông.

Ông T cho rằng nội dung giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Nghệ An không khách quan, không đúng pháp luật và ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của gia đình anh. Nay ông yêu cầu Hủy quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 13/4/2016, của Ủy ban nhân dân huyện Đ và buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ xem xét giải quyết việc bồi thường, hỗ trợ tài sản là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho gia đình ông.

Người bị kiện: Đại diện Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày: Việc Hội đồng giải phóng mặt bằng thi hành khi vắng mặt gia đình ông Đặng Văn T, không thông báo cho ông Đặng Văn T biết là không đúng, tại cuộc họp ngày 29/9/2017, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T tiến hành họp cùng 04 hộ dân. Cuộc họp kết luận: Thống nhất với chủ trương, diện tích giải tỏa và đền bù. Riêng ông Đặng Văn S có dự họp và ký thay cho con là Đặng Văn T và Đặng Văn S. Trong quá trình kiểm đếm và nhận tiền bồi thường hỗ trợ, ông Đặng Văn S đều thay mặt ông Đặng Văn T kiểm đếm và nhận tiền. Hội đồng giải phóng mặt bằng không phá sạch tài sản của gia đình ông Đặng Văn T, vì sau khi hoàn tất hồ sơ, chi trả kinh phí cho hộ gia đình cá nhân, Hội đồng giải phóng mặt bằng bàn giao mặt bằng cho bên nhà thầu tiến hành thi công theo quy định, việc san lấp mặt bằng là do bên thi công thực hiện. Các sai phạm trên thuộc về Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng dự án nâng cấp, sửa chữa nền mặt đường quốc lộ 15A đoạn Km 270 đến Km 284 và Ủy ban nhân dân xã T. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện Đ đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn S trình bày, thống nhất với ý kiến của người đại diện của ông T. Đề nghị Tòa hủy quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 13/4/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Đ và buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ xem xét giải quyết việc bồi thường, hỗ trợ tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho gia đình ông T.

Quá trình đối thoại, và tại phiên tòa, người khởi kiện và người bị kiện không thỏa thuận được với nhau.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện của người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến về việc tuân theo quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, tài liệu, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại theo quy định của pháp luật; Việc tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã điều hành đúng theo quy định của Luật tố tụng Hành chính. Người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện và chấp hành quyền, nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Theo quy định tại khoản 1 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử phải xem xét các quyết định hành chính có liên quan đến quyết định khởi kiện của ông Đặng Văn T, gồm các quyết định: Quyết định

số 912/QĐ-UBND.TN ngày 13/7/2009 của UBND huyện Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định 259/QĐ-UBND.TN ngày 13/7/2009 của UBND huyện Đ về việc thu hồi đất tại xã T; Quyết định 1586/QĐ-UBND ngày 30/7/2014 của UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Đặng Văn S. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 30, Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 18, Điều 21 Luật khiếu nại; Điều 39, Điều 138 Luật đất đai năm 2003; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 55, khoản 1 Điều 58 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; Mục 1.1 phần VI Thông tư 116/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ Tài chính; Điều 31, 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn T, hủy Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 13/4/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đô Lương về việc giải quyết khiếu nại của ông Đặng Văn S; một phần Quyết định số 912/QĐ-UBND.TN ngày 13/7/2009 của UBND huyện Đô Lương về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, phần liên quan đến phê duyệt giá trị tài sản của ông T; một phần liên quan đến Quyết định 259/QĐ-UBND.TN ngày 13/7/2009 của UBND huyện Đ về việc thu hồi đất tại xã T liên quan diện tích đất thu hồi của ông T; Quyết định 1586/QĐ-UBND ngày 30/7/2014 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Đặng Văn S. Buộc UBND huyện Đ phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định pháp luật. Và buộc người bị kiện phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên toà; kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát và các đương sự, các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định của Luật tố tụng Hành chính, thu thập tài liệu chứng cứ, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, đối thoại và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

[2] Về đối tượng khởi kiện: Người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 784/QĐ-UBND ngày 13/4/2015 của Chủ tịch UBND huyện Đ, đây là quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, theo khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng Hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 20/10/2016 ông Đặng Văn T được ông Đặng Văn S thông báo việc Ủy ban nhân dân huyện Đ đã ban hành quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 13/4/2015, về việc giải quyết khiếu nại của ông Đặng Văn S, liên quan đến việc thu hồi, bồi thường đất, tài sản của gia đình ông Đặng Văn T. Ngày 24/10/2016, ông Đặng Văn T có đơn khởi kiện vụ án Hành chính, theo điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng Hành chính thì đang trong thời hiệu

khởi kiện. Vì vậy, theo khoản 3 Điều 32 Luật tổ tụng Hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết.

Đối với Quyết định số 912/QĐ-UBND ngày 06/3/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Đô Lương, về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Sửa chữa nền, mặt đường Quốc lộ 15A đoạn qua dốc Lùng xã Trảng S, huyện Đô, Quyết định số 259/QĐ-UBND.TN ngày 13/7/2009, về việc thu hồi đất tại xã Trảng Sơn và Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 30/7/2014, về việc giải quyết khiếu nại của ông Đặng Văn S là các quyết định hành chính liên quan đã hết thời hiệu khởi kiện nhưng Tòa án phải xem xét theo quy định tại Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính.

[4] Xét tính hợp pháp Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 13/4/2015 của Chủ tịch UBND huyện Đ.

[4.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định:

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 784/QĐ-UBND ngày 13/4/2015 của Chủ tịch UBND huyện Đô L về việc giải quyết khiếu nại của ông Đặng Văn S. Thực hiện Công văn số 2492/UBND.KT ngày 21/1/2014 của UBND tỉnh Nghệ An giao Chủ tịch UBND huyện Đ thực hiện các kiến nghị của Thanh tra tỉnh Nghệ An, tại báo cáo số 33 ngày 20/01/2014. UBND huyện Đô Lương đã ban hành Quyết định số 834 ngày 29/4/2014 về việc xác minh nội dung khiếu nại của công dân; sau khi tiến hành xác minh nội dung khiếu nại, tổ chức đối thoại, Chủ tịch UBND huyện Đ đã ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 1586/QĐ-UBND ngày 30/7/2014. Ông Sơn không nhất trí nên tiếp tục khiếu nại gửi đến nhiều cấp nhiều ngành. UBND tỉnh Nghệ An có Công văn số 1501/UBND.KT ngày 12/11/2014 giao Chánh thanh tra tỉnh thành lập tổ công tác liên ngành do thanh tra tỉnh làm tổ trưởng, Giám đốc sở Tài nguyên và Môi trường, giám đốc Sở tài chính tham gia để kiểm tra, rà soát, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật. Sau khi có kết quả rà soát, UBND tỉnh có Công văn số 381/UBND.KT ngày 20/01/2015 giao Chủ tịch UBND huyện Đô Lương giải quyết khiếu nại của ông Đặng Văn S. Chủ tịch UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 448 ngày 04/3/2015 về việc xác minh nội dung khiếu nại, tiến hành xác minh nội dung khiếu nại, tổ chức đối thoại đã ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 784/QĐ-UBND ngày 13/4/2015.

Như vậy, sau khi Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 1586/QĐ-UBND ngày 30/7/2014, giải quyết khiếu nại của ông Đặng Văn S (lần đầu), ông S tiếp tục khiếu nại thì thẩm quyền giải quyết khiếu nại tiếp theo là của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An. Chủ tịch UBND huyện Đ vẫn tiếp tục giải quyết khiếu nại và ban hành Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 13/4/2015 là không đúng thẩm quyền giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 18, 21 Luật khiếu nại năm 2011. Mặt khác, việc giải quyết khiếu nại cho ông Đặng Văn S là không chính xác, vì tài sản thu hồi là của ông Đặng Văn T, ông Đặng Văn S chỉ là người thực hiện ủy quyền khiếu nại theo giấy ủy quyền ngày 02/3/2012 của ông T, do đó giải quyết khiếu nại của ông Đặng Văn T mới đúng.

[4.2] Về căn cứ pháp luật ban hành quyết định:

Để triển khai thực hiện dự án xây dựng và nâng cấp quốc lộ 15A, đoạn đi qua xã T, huyện Đ, ngày 06/3/2007 Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 256/QĐ-UBND về việc thành lập Hội đồng bồi thường GPMB dự án nâng cấp, sửa chữa nền mặt đường quốc lộ 15A đoạn km 270 đến km 284 gồm 17 thành viên (viết tắt là HĐBTGPMB). Ngày 02/9/2007, Hội đồng bồi thường GPMB đã tiến hành kiểm kê tài sản cho 04 hộ ông Đặng Văn S, bà Nguyễn Thị Th (Thung), ông Nguyễn Văn Th, ông Đặng Văn T và lập biên bản xác định giá trị bồi thường. Thành phần gồm có đầy đủ các thành viên Hội đồng bồi thường GPMB huyện, ở xã có Chủ tịch UBND xã, cán bộ địa chính, xóm trưởng xóm x xã T và đại diện 4 hộ gia đình. Các thành phần Hội đồng GPMB và đại diện 4 hộ gia đình đã thống nhất ký vào hồ sơ. Hộ ông Đặng Văn T trong quá trình kiểm đếm, xác định giá trị bồi thường, ông Đặng Văn S (bố của ông Đặng Văn T) đại diện cho gia đình ông T tham gia và ký vào các văn bản.

Đồng thời, Đoàn xác minh cũng đã làm việc với ông Nguyễn Trọng N - Nguyên Bí thư, xóm trưởng xóm x, xã T; ông Nguyễn Sỹ T - Nguyên cán bộ địa chính xã T. Ông N, ông T cũng trình bày: Thành phần tham gia và chứng kiến việc kiểm đếm của Hội đồng GPMB đối với 04 hộ tại dõc Lũng gồm có: Đại diện Hội đồng GPMB huyện, đại diện UBND xã Trảng S, đại diện BCH xóm x, đại diện các hộ gia đình bị giải tỏa. Đối với hộ ông T, trong quá trình kiểm đếm có sự tham gia chứng kiến của ông Đặng Văn S (bố) và anh Đặng Văn S1 (em trai); Việc kiểm đếm diễn ra công khai, phù hợp với thực tế của từng gia đình.

Theo quy định tại Điều 55 Nghị định 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ quy định:

"Sau khi có quyết định thu hồi đất, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm thực hiện việc kê khai, kiểm kê đất đai, tài sản gắn liền với đất và xác định nguồn gốc đất đai theo trình tự, thủ tục sau đây:

1. Người bị thu hồi đất kê khai theo mẫu tờ khai do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phát và hướng dẫn; tờ khai phải có các nội dung chủ yếu sau:

....

2. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện việc kiểm tra xác định nội dung kê khai và thực hiện kiểm kê đất đai, tài sản gắn liền với đất, xác định nguồn gốc đất đai theo trình tự sau:

a) Kiểm tra tại hiện trường về diện tích đất đối với trường hợp có mâu thuẫn, khiếu nại về số liệu diện tích; kiểm đếm tài sản bị thiệt hại và so sánh với nội dung người sử dụng đất đã kê khai. Việc kiểm tra, kiểm đếm tại hiện trường phải có sự tham gia của đại diện của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất và người có đất bị thu hồi. Kết quả kiểm đếm phải có chữ ký của người trực tiếp thực hiện kiểm đếm tại hiện trường, người bị thu hồi đất (hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật), người bị thiệt hại tài sản (hoặc người được

ủy quyền theo quy định của pháp luật), cán bộ địa chính cấp xã, đại diện của Phòng Tài nguyên và Môi trường, đại diện của lãnh đạo Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;

- Mục 1.1 phần IV Thông tư 116/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ tài chính quy định:

1. Trình tự tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

Tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phải triển khai việc phát tờ khai, hướng dẫn kê khai, thu tờ khai... của các đối tượng bị Nhà nước thu hồi đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

1.1. Người bị thu hồi đất kê khai diện tích, hạng đất, loại đất, vị trí của đất, số lượng, chất lượng tài sản hiện có trên đất bị thu hồi, số nhân khẩu, số lao động..., Đề đạt nguyện vọng tái định cư (nếu có) gửi tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

1.2. Tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kiểm tra tờ khai và tổ chức thực hiện kiểm kê, đo đạc, xác định cụ thể diện tích đất bị thu hồi, tài sản bị thiệt hại có sự tham gia của đại diện chính quyền (Ủy ban nhân dân cấp xã) sở tại, xác nhận của người bị thu hồi đất, bị thiệt hại tài sản. Sau khi tiến hành kiểm kê, đo đạc, xác định các căn cứ lập đề dự kiến phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (phương án dự kiến), niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bị thu hồi để người bị thu hồi đất và các đối tượng có liên quan tham gia ý kiến;

Đối chiếu với các quy định trên phía người bị kiện không có tài liệu nào thể hiện UBND huyện Đ giao thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất cho người có đất bị thu hồi. Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng không phát tờ khai cho người có đất bị thu hồi kê khai, khi tiến hành kiểm đếm, lập biên bản xác định giá trị bồi thường nhưng không có mặt của chủ sở hữu tài sản; mặc dù tại các biên bản xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ lập năm 2009 (bút lục 07-12) và biên bản kiểm kê hiện trạng lập năm 2009 (bút lục 13-16) thành phần kiểm tra hiện trạng thì ghi tên đại diện hộ gia đình ông Đặng Văn T nhưng cuối biên bản do bà Việt mẹ ông T ký nhưng không có ủy quyền của ông T. Do đó, chưa đảm bảo cơ sở pháp lý, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đặng Văn T. Như vậy, vi phạm quy định tại Điều 55 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; mục 1.1 phần IV Thông tư 116/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ Tài chính hướng thực hiện Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

[5] Về việc thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư theo khoản 1 Điều 58 Nghị định 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ có nội dung: “Sau năm (05) ngày, kể từ ngày gửi văn bản thông báo về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến người có đất bị thu hồi, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ. Trường hợp người được bồi thường, hỗ trợ ủy quyền cho người khác nhận thay thì người được bồi thường, hỗ trợ phải làm giấy ủy quyền theo quy định của pháp luật”.

Như vậy, Hội đồng GPMB chi trả bồi thường cho hộ ông Đặng Văn Tư nhưng ông Đặng Văn S nhận thay mà không có giấy ủy quyền của ông T là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 58 Nghị định 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ.

Tại Phần IV của Quyết định 784 ngày 13/4/2015 của Chủ tịch UBND huyện Đô Lương kết luận: "Khiếu nại của ông Đặng Văn S là khiếu nại có đúng, có sai nhưng không giải quyết phần hậu quả của nội dung khiếu nại đúng.

Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 13/4/2015 kết luận Hội đồng BTGPMB không phá sạch tài sản của gia đình ông Đặng Văn Tư vì sau khi hoàn tất hồ sơ, chi trả kinh phí cho hộ gia đình cá nhân, Hội đồng BTGPMB bàn giao mặt bằng cho bên nhà thầu tiến hành thi công theo quy định, việc san lấp mặt bằng là do bên thi công thực hiện là không được bởi vì việc bồi thường GPMB không đảm bảo trình tự thủ tục, bên thi công chỉ thực hiện theo bàn giao của Hội đồng BTGPMB, nên trách nhiệm thuộc về Hội đồng BTGPMB.

Như vậy, trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng của Hội đồng BTGPMB huyện Đ chưa đảm bảo theo các quy định tại Luật đất đai năm 2003, Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ, Thông tư 116/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ tài chính. Do đó, nội dung khởi kiện của ông Đặng Văn Tư yêu cầu hủy Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 13/4/2015 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông được Tòa án chấp nhận.

[6] Về các quyết định liên quan đến quyết định bị khởi kiện: Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Văn T đề nghị hủy các quyết định liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Các quyết định hành chính liên quan đã hết thời hiệu khởi kiện, nhưng theo quy định tại Điều 193 Luật tố tụng Hành chính. Để đảm bảo quyền lợi về tài sản hợp pháp của ông Đặng Văn T được pháp luật bảo vệ như phân tích trên, nên chấp nhận hủy một phần các quyết định sau:

- Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 13/7/2009 về việc thu hồi đất tại xã Trảng Sơn đối với hộ ông Đặng Văn T thửa đất 532b tờ bản đồ số 2 tổng diện tích 356m² để Ủy ban nhân dân huyện Đ xem xét lại tổng diện tích thực tế gia đình ông Đặng Văn T đang sử dụng tại thời điểm thu hồi đất để bồi thường theo quy định pháp luật. Khiếu nại ông Đặng Văn T cho rằng gia đình ông T đang sử dụng 450m² đất từ trước năm 1980 mà quyết định thu hồi chỉ 356m² đã làm thiệt hại gia đình ông T khi ông đi vắng cần được xác minh làm rõ.

- Quyết định số 912/QĐ-UBND-TN ngày 18/7/2009 của UBND huyện Đ về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án sửa chữa

nền mặt đường Quốc lộ 15A đoạn qua dốc Lùng, xã T huyện Đ, vì lý do chưa thực hiện đúng trình tự thu hồi đất, dẫn đến có khiếu nại diện tích đất thu hồi chưa đảm bảo khách quan.

- Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 30/7/2014 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Đặng Văn S (lần đầu).

Các Quyết định khác người đại diện của người khởi kiện có yêu cầu nhưng không liên quan đến quyết định khởi kiện và không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án giải quyết bằng vụ án hành chính nên không xem xét.

[6] Về án phí: Tòa án chấp nhận nội dung khởi kiện hủy quyết định hành chính của UBND huyện Đ, do đó UBND huyện Đ phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 32; Điểm a Khoản 3 Điều 116; Khoản 1, điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

Căn cứ Điều 18, 21 Luật khiếu nại; Điều 39, 138 Luật đất đai 2003; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 55, khoản 1 Điều 58 Nghị định 84/2007/NĐ - CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ về việc quy định thủ tục khi Nhà nước thu hồi đất; mục 1.1 phần IV Thông tư 116/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ tài chính.

Căn cứ Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn T, hủy Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 13/4/2015 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Đặng Văn S; hủy một phần Quyết định số 912/QĐ-UBND.TN ngày 13/7/2009 của UBND huyện Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phần liên quan đến việc phê duyệt bồi thường cho ông Đặng Văn T; hủy một phần Quyết định số 259/QĐ-UBND.TN ngày 13/7/2009 của UBND huyện Đ về việc thu hồi đất tại xã T phần liên quan diện tích đất hộ ông Đặng Văn T; hủy Quyết định 1586/QĐ-UBND ngày 30/7/2014 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Đặng Văn S. Buộc UBND huyện Đ, và người có thẩm quyền trong cơ quan Nhà nước phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định pháp luật.

Về án phí: Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hành chính sơ thẩm. Trả lại cho ông Đặng Văn T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An, theo biên lai nộp tiền số 0006583 ngày 11/4/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Người khởi kiện có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Luật tố tụng hành chính./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đức Thi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Huy Lợi

Nguyễn Thị Thúy Minh

Nguyễn Đức Thi

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thi